

Bản án số: 52/2018/DSPT.
Ngày: 08/10/2018
V/ v: “*Tranh chấp HĐVTS*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Anh Dân
- Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quế và Bà Dương Thị Liên.
- Đại diện VKS tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên.
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Cán bộ tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên .

Ngày 08 tháng 10 năm 2018, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 32/2018/DSPT ngày 05/7/2018 về tranh hợp đồng vay tài sản (tiền). Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DSST ngày 24/5/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên có kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2018/QĐ - PT ngày 02/8/2018, giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Ông Mai Xuân CH, sinh năm 1969;

Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố ST, phường BS, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Quyết Th1;

Địa chỉ: số nhà 307, tổ 3, phường TL, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th2 - Luật sư - Văn phòng luật sư TH- Thuộc Đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên.

(Ông Th1, bà Th2 có mặt).

Bị đơn: Chị Trần Thị Tú L, sinh năm 1983;

Địa chỉ: tổ 1c, khu 8, phường NT, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Trần Thiện Th3, Luật sư văn phòng Luật sư BST - Đoàn luật sư Thành Phố Hà Nội.

(Chị L, ông Th3 có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư xây dựng SA.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Tú L - chức vụ: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư xây dựng SA;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn Q - chức vụ: Phó tổng giám đốc công ty XNK SA(*Ông Quế, bà L có mặt*).

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Văn Th4;

Địa chỉ: Tổ dân phố ST, phường BS, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên

- Bà Trần Thị Th5;

Địa chỉ: Tổ dân phố ST, phường BS, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên. (*Bà Th5, ông Th4 vắng mặt*);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Mai Xuân CH, khởi kiện chị Trần Tú Lệ , yêu cầu trả tiền vay 408.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật. Các lần ông CH cho chị L vay và chứng cứ ông CH cung cấp, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 23/6/2014, chị L vay 80.000.000đ, hạn đến ngày 31/12/2014 trả. Lần

2: Ngày 09/7/2014, chị L vay 80.000.000đ, hạn đến ngày 31/12/2014 trả.

Lần 3: Ngày 10/11/2014, chị L 96.000.000đ, hạn đến ngày 31/12/2014 trả.

Lần 4: Ngày 05/6/2015, chị L vay 72.000.000đ, hạn đến ngày 15/6/2015 trả.

Lần 5: Ngày 07/10/2015, chị L vay 80.000.000đ, hạn đến ngày 31/12/2015 trả.

Về địa điểm ký kết các giấy vay nợ (giao – nhận tiền) đều diễn ra tại gia đình ông ở tổ dân phố ST, phường BS, thị xã PY, Thái Nguyên. Chị L ký nhận vào giấy biên nhận vay tiền (giấy này ông đã đánh máy sẵn chỉ viết tay tên người vay, số chứng minh thư nhân dân, tên người thừa kế, số điện thoại của người vay, nơi cư trú của người vay, số tiền vay, ngày tháng thời gian vay đến thời gian trả sau đó ký tên bên vay và bên cho vay).

Trong giấy vay tiền ngày 23/6/2014 có tên người thừa kế là Lê Đức T (có anh T ký tên Lê Đức T); Giấy vay ngày 09/7/2014 có tên người thừa kế là Nguyễn Văn Th4 (có anh Th4 ký tên); Trong giấy vay tiền ngày 10/11/2014 chị L có viết là P. Tổng giám đốc, có đóng dấu của Công ty XNK SIAAI ở bên vay. Tuy nhiên ông CH xác định đây là khoản tiền chị L vay cá nhân chứ không liên quan đến anh T , anh Th4 và cũng không phải là Công ty SA vay.

Về lãi suất: Trong 5 lần vay tiền, không ghi lãi suất mà hai bên chỉ thỏa Thuận miệng với nhau là 2%/tháng.

Cho đến thời điểm ông khởi kiện, chị L không Th4 toán trả ông tiền gốc mà mới trả ông được 36.000.000đ tiền lãi. Nay ông yêu cầu Tòa án buộc chị L phải trả ông số tiền 496.824.329 đồng, trong đó nợ gốc là 408.000.000 đồng và số tiền lãi

tính đến ngày xét xử 24/5/2018 là 124.824.329 đồng (theo lãi suất là 9%/năm) trừ khoản tiền 36.000.000đ tiền lãi, chị L đã chuyển trả ông hai lần qua tài khoản. Nay chị L còn phải trả ông 88.824.329 đồng tiền lãi. Đối với bà Th5, vợ ông CH ông xác định không liên quan.

Bị đơn chị Trần Thị Tú L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông CH. Chị L có ý kiến Trong 5 giấy nhận nợ do ông CH cung cấp. Chị L thừa nhận có 03 giấy vay tiền vào các ngày 23/6/2014; 9/7/2014 và 10/11/2014 là nợ gốc, tổng 200.000.000đ. Đối với giấy nhận nợ ngày 5/6/2015 thực chất là lãi của ba giấy vay năm 2014.

Hiện chị không còn nợ ông CH tiền vì lý do : Ngày 5/6/2015 giữa chị và ông CH có ký biên bản thỏa Thuận đổi trừ tiền vay bằng cách chuyển đổi ki ốt số 14, khu 4 chợ BS thông qua hợp đồng Thuê tài sản số 99 giữa ông CH với Công ty giá trị của hợp đồng là 422.000.000đ. Việc này Công ty đồng ý bằng QĐ số 305/2015 của ĐHĐCĐ Công ty chấp Thuận cho chị g iao dịch với ông CH. Sau khi ký biên bản thỏa Thuận số 99 thì chị chấm dứt hoàn toàn các nghĩa vụ với ôngCH.

- Đối với giấy vay tiền 07/10/2015 với số tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng), chị và ông CH cũng đã ký biên bản thỏa Thuận để đổi trừ tiền vay bằng cách chuyển đổi ki ốt số 15 khu 4 chợ BS thông qua hợp đồng Thuê tài sản số 14 ngày 08/10/2015 giữa ông CH với Công ty, với giá trị hợp đồng là 403.000.000đ, sau khi trừ khoản vay của chị L thì ông CH có trách nhiệm Th4 toán nốt cho Công ty số tiền chênh Lch còn thiếu trước khi nhận kiốt.

Hiện nay ông CH còn nợ Công ty CP Tư vấn Đầu tư xây dựng SA số tiền là 528.000.000đ.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty CP Tư vấn Đầu tư xây dựng SA:
Xác định các khoản nợ trong 05 giấy vay nhận nợ nêu trên là của cá nhân chị L không liên quan gì đến Công ty, công ty không có trách nhiệm trả nợ cho chị L. Tuy nhiên Công ty cũng đã họp và đồng ý cho chị L thỏa Thuận để đổi trừ tiền vay giữa chị L và ông CH, ông CH qua việc ông CH đã Thuê ki ốt của Công ty.

Anh Nguyễn Văn Th4 trình bày: Vào đầu năm 2014 ông có vay của ông Mai Xuân CH số tiền là 80.000.000đồng. Mục đích là vay hộ Công ty CP Tư vấn Đầu tư xây dựng SA lúc đó ông đang làm việc tại Công ty. Việc vay tiền là do cá nhân ông đứng ra vay. Sau khi vay hộ cho Công ty thì ông đã yêu cầu Công ty Th4 toán lại cho ông số tiền này để ông trả cho ông CH. Lúc đó bà L đang là người đại diện theo pháp luật của Công ty, có nói với ông về việc chuyển khoản nợ này của ông với ông CH sang cho cá nhân bà L, bà L sẽ thay ông trả khoản nợ này cho ông CH. Ngày 09/7/2014 ông cùng bà L đã đến nhà ông CH để thỏa Thuận về việc chuyển giao khoản nợ. Bà L đã đồng ý nhận chuyển giao nghĩa vụ trả nợ số tiền là 80.000.000đồng của ông đối với ông CH và ông CH đã đồng ý về việc chuyển giao này. Bà L và ông CH đã viết giấy vay tiền thể hiện việc chuyển giao nghĩa vụ này, ông cũng ký vào làm chứng việc đó. Hiện nay ông CH khởi kiện bà L về việc Th4 toán các khoản nợ ngày 09/7/2014 có chữ ký của ông, khoản nợ này ông đã chuyển

giao cho bà L, ông CH cũng đã đồng ý việc chuyển giao này. Do vậy ông không có nghĩa vụ gì đối với bà L và ông CH nữa.

Bà Trần Thị Th5 trình bày: Bà là vợ của ông Mai Xuân CH, bà có biết việc chồng bà là ông CH cho chị L vay tiền nhiều lần, bà xác định là tiền riêng của ông CH, không phải là tài sản CH của vợ chồng, nên bà không có yêu cầu hay nghĩa vụ gì đối với ông CH cũng như chị L.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DSST ngày 24/5/2018 của Tòa án nhân dân thị xã PY, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Xuân CH đối với chị Trần Thị Tú L về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

1. Về tiền nợ gốc: Buộc chị Trần Thị Tú L phải có trách nhiệm trả cho ông Mai Xuân CH số tiền nợ gốc là: 408.000.000đồng (bốn trăm linh tám triệu đồng chẵn).

2. Về tiền lãi suất: Buộc chị Trần Thị Tú L phải có trách nhiệm trả cho ông Mai Xuân CH số tiền lãi là: 124.824.329 đồng (một trăm hai mươi bốn triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn ba trăm hai mươi chín đồng). Chị L đã chuyển trả cho ông CH 36.000.000đồng (ba mươi sáu triệu) đồng tiền lãi. Nay chị L còn phải trả cho ông CH 88.824.329 đồng tiền lãi.

Tổng cộng chị L phải có trách nhiệm trả cho ông CH số tiền 496.824.329đ

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/5/2018, bị đơn chị L kháng cáo toàn bộ bản án. Nội dung: Chị có ký vào 05 giấy vay tiền, tổng số tiền 408.0000.000đ như ông CH cung cấp, tuy nhiên số tiền này đã được đối trừ vào hợp đồng Th5ê kiết của ông CH với Công ty CP Tư vấn Đầu tư xây dựng SA, cụ thể hợp đồng số 99, ký ngày 5/6/2015 trị giá 422.000.000đ và hợp đồng số 14 ký ngày 8/10/2015 trị giá 403.000.000đ. Giấy vay tiền chỉ có một bản ông CH giữ nên ông CH đã điền thêm một số nội dung vào giấy vay , như giấy vay ngày 5/6/2015 ghi thêm đến ngày 15/6/2015. Giấy vay ngày 7/10/2015 số 215 là số viết thêm sau gạch chéo . Về chủ thể giao dịch, giấy vay ngày 10/11/2014 có đóng dấu của Công ty CP Tư vấn Đầu tư xây dựng SA, việc này có ủy quyền của Công ty cho chị vay tiền ông CH, về mặt pháp lý Công ty được hưởng quyền và nghĩa vụ , tuy nhiên Tòa sơ thẩm lại buộc cá nhân là không đúng . Về lãi suất , thực tế chị đã trả ông CH 55.000.000đ tiền lãi chứ không phải 36.000.000đ như bản án sơ thẩm tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu hiện có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện VKS, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.]Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn chị L, kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo là hợp L được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn chị L bổ sung yêu cầu kháng cáo, đề nghị hủy bản án sơ thẩm do có vi phạm về thẩm quyền giải quyết.

[2.] Về nội dung: Nguyên đơn ông Mai Xuân CH khởi kiện chị Trần Tú L yêu cầu chị L trả tiền vay 408.000.000đ và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật. Khoản vay này ông CH trình bày, do chị L cần vốn kinh doanh anh nên ông đã cho chị L vay 5 lần và cả 5 lần chị L đều ký vào giấy vay với tư cách cá nhân. Từ khi chị L vay, chị L mới trả lãi cho ông được 36.0000.000đ. Chứng cứ ông CH cung cấp là 05 giấy vay có chữ ký của chị L.

Bị đơn chị Trần Thị Tú L cũng xác nhận chị có vay tiền ông CH và chị là người ký vào 05 giấy vay tiền do ông CH cung cấp cho Tòa án. Tuy nhiên các khoản vay của chị với ông CH, đã được đối trừ vào việc Công ty CP Tư vấn Đầu tư xây dựng SA, do chị là đại diện theo pháp luật bằng việc năm 2015, ông CH ký hợp đồng Thuê hai ki-ốt của Công ty. Sau khi đối trừ tiền chị vay của ông CH thì ông CH còn nợ Công ty Đầu tư xây dựng SA 528.000.000đ.

Theo lời khai của đương sự và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng, tại đơn khởi kiện ghi ngày 23/12/2016, có nội dung: Người khởi kiện Mai Xuân CH, HKTT... Tỉnh Thái Nguyên; Người bị kiện Trần Thị Tú L, *“HKTT và nơi ở hiện tại tổ 1c, khu 8, phường NT, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ”*. Cũng ngày 23/12/2016 ông CH có *“Đơn đề nghị lựa chọn Tòa án giải quyết”*, nội dung: *“Theo đơn khởi kiện thì chị L hiện nay ở tổ 1c, khu 8, phường NT, thành phố VT, Phú Thọ. Theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 39/BLTTDS năm 2015 thì Thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND TP Việt Trì Tuy nhiên HĐVT này được tôi và chị L thực hiện ở tại nhà tôi Tổ dân phố ST, phường BS, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên Căn cứ điểm g, khoản 1, Điều 40/BLTTDS năm 2015, thì tôi có quyền lựa chọn Tòa án giải quyết... bằng văn bản này tôi đề nghị Tòa án nhân dân thị xã PY, huyện PY, tỉnh Thái Nguyên giải quyết...”*.

Ông CH cung cấp 05 giấy vay nợ giữa ông và chị L, trong đó giấy 04 giấy vay thể hiện người vay là Trần Tú L, cư trú phường NT, thành phố VT, Phú Thọ và 01 giấy vay ngày 10/11/2014 thể hiện người vay Trần Tú L - P. Tổng giám đốc và đóng dấu của Công ty cổ phần đầu tư SA, ký tên Trần Tú L. Trong các giấy vay này không thể hiện nơi giao tiền và cũng không xác định địa điểm trả tiền. Mặt khác trụ sở của Công ty cổ phần đầu tư SA, tại TP VT tỉnh Phú Thọ. Đối tượng của hợp đồng được ký kết giữa ông CH và chị L là tiền, trong giấy vay tiền không thể hiện nơi giao tiền và cũng không thể hiện địa điểm trả tiền. Do vậy tranh chấp giữa ông CH và chị L không thuộc trường hợp mà nguyên đơn có quyền lựa chọn Tòa án giải quyết theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 40/BLTTDS năm 2015. Trong trường hợp này Tòa án nhân dân thị xã PY phải căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 39 và điểm c khoản 3 Điều 191/BLTTDS năm 2015 chuyển đơn khởi kiện của nguyên đơn đến Tòa án nơi cư trú của bị đơn, đồng thời cũng là nơi có trụ sở của Công ty cổ phần đầu tư SA giải quyết. Việc Tòa án nhân dân thị xã PY thụ lý giải quyết theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông CH là vi phạm thẩm quyền.

Do có sự vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng vi phạm thẩm quyền giải quyết mà không thể khắc phục được. Nên cần phải hủy án sơ thẩm giao hồ sơ về Tòa án nhân dân thị xã PY, Thái Nguyên giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3.] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4.] Tại phiên tòa, đại diện VKS nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng tố tụng. Về đường lối giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm vi phạm về thẩm quyền giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Từ sự phân tích trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án, L phí Tòa án; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn chị Trần Thị Tú L.

Tuyên xử:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DSST ngày 24/5/2018 của Tòa án nhân dân thị xã PY, Thái Nguyên.

Giao hồ sơ về Tòa án nhân dân thị xã PY, Thái Nguyên giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Tú L không phải chịu án phí phúc thẩm, được hoàn lại 300.000đ dự phí phúc thẩm đã nộp, theo biên lai Th5 tiền số 0008631 ngày 25/6/2018 tại cơ quan thi hành án dân sự thị xã PY.

Án phí dân sự sơ thẩm được tính lại khi giải quyết ở cấp sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:

- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND thị xã PY;
- THADS thị xã PY;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Anh Dân